

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀ YÊU CẦU TẤT YẾU CỦA NGÀNH THÉP VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2030

NGHIÊM GIA - *Hội KHKT Đức Luyện kim Việt Nam*
 PHẠM BÁ KIÊM - *Hội KHKT Đức Luyện kim Việt Nam*
 BÙI HUY TUẤN - *TCTy Thép Việt Nam CTCP (VNSteel)*
Email: nghiemgia53@gmail.com

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng về bảo vệ môi trường (BVMT) trong hoạt động sản xuất và kinh doanh nên các doanh nghiệp (DN) của ngành Thép Việt Nam đã xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động BVMT một cách cụ thể và có hiệu quả. Song do một số DN thép vẫn không thực hiện triệt để nên đã gây ô nhiễm môi trường nước và không khí. Có thời điểm ô nhiễm môi trường trở thành vấn đề bức xúc trong cộng đồng, đặc biệt là sự cố môi trường biển do tập đoàn Thép FORMOSA gây ra tại Hà Tĩnh và ba tỉnh miền Trung đã gây tác động lớn cho xã hội trong năm 2016. Vì vậy, nhằm đưa Luật BVMT thực thi có hiệu quả trong cuộc sống, việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện “Chiến lược BVMT ngành Thép Việt Nam” là yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển của ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2016-2030.

1. Sự cần thiết phải xây dựng “Chiến lược bảo vệ môi trường ngành Thép Việt Nam” giai đoạn 2016-2030

Sản xuất gang, thép là ngành công nghiệp nặng tiềm ẩn và chứa đựng các yếu tố nặng nhọc và độc hại. Quá trình sản xuất gang, phôi thép và cán các sản phẩm thép nói chung phải qua nhiều công đoạn (H.1) và sử dụng với khối lượng lớn tài nguyên khoáng sản (TNKS) (bao gồm quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung đá vôi, đolômit,...), sắt thép phế và một số loại hoá chất,... Mỗi công đoạn ít hay nhiều là nguồn phát ra các chất thải (rắn, khí, bụi và nước thải) gây ô nhiễm môi trường nếu không được xử lý. Quá trình phát triển trong thời kỳ hội nhập quốc tế đòi hỏi mỗi doanh nghiệp (DN) trong ngành Thép Việt Nam phải có tư duy mới và hành động tích cực để tìm hướng đi thích hợp cho DN nhằm

đảm bảo hài hoà quá trình tăng trưởng và bảo vệ môi trường (BVMT) một cách bền vững [1].

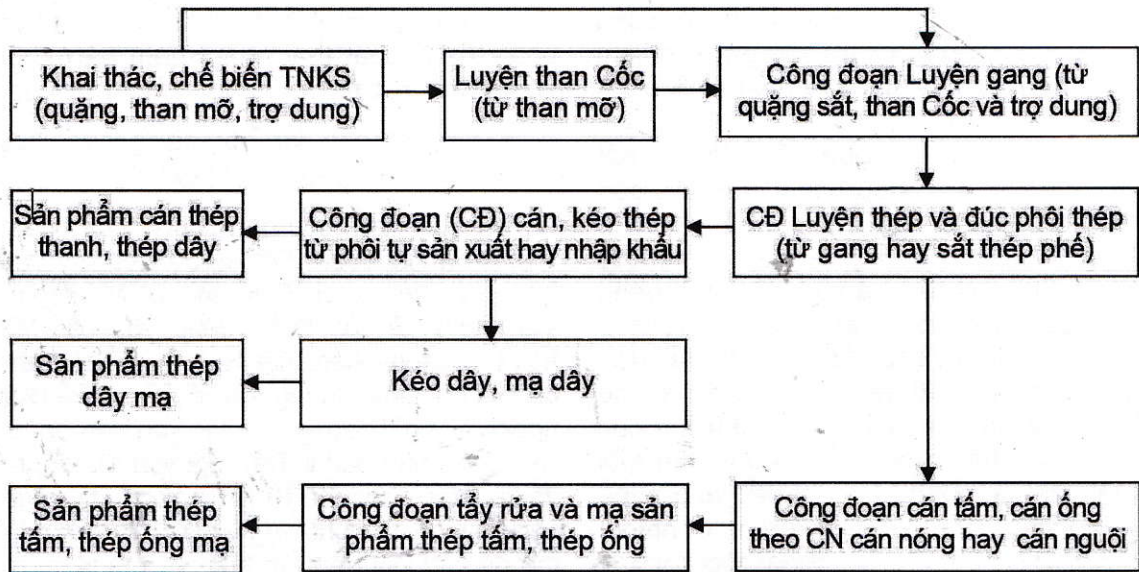
Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ ngành liên quan cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật BVMT nhằm đưa Luật BVMT thực thi có hiệu quả trong cuộc sống. Ngoài việc xây dựng “Chiến lược bảo vệ môi trường” trên quy mô toàn quốc, Chính phủ đã yêu cầu các Bộ ngành phải xây dựng chiến lược BVMT của từng ngành. Theo đó, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng Chiến lược BVMT ngành Công Thương, trong đó đã xây dựng và ban hành “Quy chế Bảo vệ Môi trường ngành Công Thương” (theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008).

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng về BVMT trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, các DN của ngành Thép Việt Nam đã xây dựng kế hoạch hành động BVMT một cách cụ thể nên đã đạt được kết quả đáng kể: i) Phục hồi và cải thiện môi trường đất tại các vùng đã khai thác TNKS; ii) Không có sự cố ô nhiễm môi trường do khí và bụi thải trong sản xuất gang, thép; iii) Môi trường sống và làm việc của các DN được nâng cao, bệnh nghề nghiệp đã giảm mạnh.

Song còn nhiều tồn tại cần phải giải quyết như: i) Hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến TNKS, sản xuất gang, thép luôn tiềm ẩn nguy cơ có ảnh hưởng xấu đến môi trường (làm thay đổi địa hình và cảnh quan, ô nhiễm môi trường do chất thải rắn, khí, bụi và nước thải); ii) Phương tiện kỹ thuật BVMT của một số DN còn lạc hậu, nguồn lực BVMT hạn chế; iii) Nhận thức về BVMT chưa được nâng cao. Tổ chức và năng lực quản lý về BVMT của các DN chưa đáp ứng yêu cầu trong hiện tại và tương lai,... iv) Đến thời điểm hiện nay ngành Thép Việt Nam chưa xây dựng “Chiến lược

BVMT” là công cụ để BVMT một cách hữu hiệu và toàn diện trên quy mô toàn quốc. Vì thế một số

DN thép đã để gây ô nhiễm môi trường nước, không khí mà chưa được xử lý triệt để.



H.1. Mô hình các công đoạn khai thác, chế biến TNKS, sản xuất gang, phôi thép và cán thép của ngành Thép Việt Nam

Vi thế, để góp phần hoàn thành mục tiêu “Chiến lược BVMT ngành Công nghiệp Việt Nam” việc xây dựng “Chiến lược BVMT của ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2016-2030 là một yêu cầu tất yếu và cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Một trong các nội dung của “Chiến lược BVMT ngành Thép Việt Nam” là xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện “Quy chế Bảo vệ môi trường ngành Thép Việt Nam” [2;3].

Do khuôn khổ có hạn, chúng tôi xin nêu tóm tắt một số nội dung cơ bản cần phải đánh giá và thực hiện trong quá trình xây dựng “Quy chế Bảo vệ môi trường ngành Thép Việt Nam” (Quy chế BVMT).

2. Cần đánh giá thực trạng BVMT trong ngành Thép Việt Nam 2005-2015

2.1. Đánh giá tác động môi trường do HĐKS của ngành Thép Việt Nam

Hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến TNKS (gọi tắt là HĐKS) cho sản xuất gang thép Việt Nam là một khâu quan trọng và không thể thiếu trong quá trình hoạt động của các DN trong ngành Thép Việt Nam.

Do hầu hết các mỏ TNKS của Việt Nam đều phân bố ở vùng thượng nguồn sông và suối nên khả năng gây ô nhiễm nguồn nước do quá trình khai thác mỏ ở thượng nguồn xuống phía hạ lưu các sông là rất lớn. Mặt khác quá trình HĐKS đã

làm cạn kiệt dần TNKS và có những tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội như: i) Làm biến đổi địa hình, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái; ii) Gây ô nhiễm đất, nước, không khí và hệ sinh thái động, thực vật; iii) Gây chấn động làm thay đổi bề mặt và cấu trúc đất đá. Gây sự cố môi trường; iv) Tác động tới mọi ngành Công nghiệp, tới sự phát triển kinh tế-xã hội. Tác động tới sức khỏe và an toàn lao động.

Vi thế khi xây dựng Quy chế BVMT chúng ta cần phải có những khảo sát đánh giá đầy đủ và khoa học làm căn cứ đề xuất giải pháp BVMT một cách hữu hiệu nhất.

2.2. Đánh giá tác động môi trường do quá trình sản xuất gang, thép

Sơ đồ tổng hợp quá trình sản xuất từ khai thác TNKS, luyện gang, luyện thép và cán thép được nêu ở H.1 cho thấy tùy thuộc vào công nghệ sản xuất sẽ có tác động tới môi trường khác nhau.

Nguồn chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất gang thép gồm: i) Nước thải trong quá trình sản xuất gang và thép phát sinh từ 2 nguồn: nước làm mát thiết bị và sản phẩm. Khi thải ra chúng có một số khoáng chất, dầu, mỡ dư thừa, cặn bụi, ô xit sắt và các kim loại nặng khác là tác nhân gây ô nhiễm; nước dùng để pha chế các loại hoá chất để tẩy, rửa kim loại, sơn mạ màu,... Khi thải ra chúng có chứa hoá chất dư thừa nên

khả năng gây ô nhiễm nước ở công đoạn này cao hơn các công đoạn khác: ii) Khí và bụi thải phát sinh trong quá trình luyện gang, sản xuất phôi thép và cán thép. Các khí và bụi ở công đoạn này sẽ phát tán ra môi trường gây ô nhiễm bầu không khí; iii) Chất thải rắn phát sinh ở tất cả các công đoạn.

Ngoài VNSTEEL và Tập đoàn Thép Hòa Phát hiện nay ở Việt Nam còn có hàng trăm DN sản xuất gang thép thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Thống kê sơ bộ hiện cả nước có trên 300 DN nhỏ và vừa sản xuất gang thép (chiếm gần 30 % tổng sản lượng gang thép sản xuất tại Việt Nam). Loại hình DN này đã góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm cho xã hội. Song do đầu tư nhỏ lẻ nên hầu hết các DN nghiệp này chính là nguồn gây ô nhiễm môi trường (đặc biệt là môi trường tại các làng nghề và các xí nghiệp nhỏ lẻ thường bị ô nhiễm nghiêm trọng). Để có căn cứ khoa học khi xây dựng Quy chế BVMT, cần tập trung đánh giá tác động môi trường do chất thải rắn, nước thải, do khí và bụi thải trong quá trình sản xuất gang thép của các DN trong ngành Thép một cách toàn diện và đầy đủ. Trong đó nên tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng môi trường của một số DN trọng điểm (VNSteel, Thép Hòa Phát, Tôn Hoa Sen, Thép Việt Nhật, Thép Việt Ý,...) để có thể đưa những kết luận đầy đủ và khách quan.

Ngoài ra trong khi xây dựng “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam” cần phải rà soát xem xét tổng quan hệ thống văn bản pháp luật BVMT của Việt Nam liên quan đến ngành Thép Việt Nam để có những kiến nghị với cấp thẩm quyền về các vấn đề bất cập gây khó khăn cho DN trong hoạt động sản xuất.

Với những phân tích nêu trên, khi xây dựng “Chiến lược BVMT ngành Thép Việt Nam” trong giai đoạn 2016-2030 cần đặt ra mục tiêu tổng thể phải hướng tới là:

➢ Xây dựng ngành sản xuất thép hiện đại ngang tầm các nước trên Thế giới và khu vực, phát huy nội lực để tạo động lực cho hội nhập và phát triển;

➢ Tiếp cận các công nghệ hiện đại và thân thiện môi trường trong các Dự án đầu tư sản xuất gang thép (đặc biệt đối với những dự án đầu tư liên hợp sản xuất thép có quy mô lớn ở các vùng biển và đông dân cư); Áp dụng “Quy trình Sản xuất sạch hơn (SXSH)” và “Công nghệ sản xuất thép ít tiêu tốn vật tư nguyên nhiên liệu” đối với các doanh nghiệp sản xuất thép đang

hoạt động và dự án đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp;

➢ Lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, quản lý chất thải, kết hợp với biện pháp xử lý chất thải nhằm đảm bảo không gây sự cố môi trường và ô nhiễm môi trường.

3. Về Kết cấu và nội dung của “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam”

Để nâng cao hiệu quả BVMT của ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2016-2030 việc xây dựng, ban hành và triển khai “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam” là cần thiết. Song yêu cầu “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam” phải có tính khả thi cao và nội dung không trái với “Quy chế BVMT của ngành Công Thương” và các văn bản pháp luật về BVMT đã ban hành. Trên nguyên tắc đó, nội dung và kết cấu “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam” cần phải có các Chương và Điều được quy định cụ thể để các DN dễ thực hiện và mang lại hiệu quả cao trong BVMT. Với kết quả nghiên cứu [2], [3], nhóm chuyên gia ngành Thép Việt Nam đã đề xuất và được Bộ Công Thương chấp thuận nội dung “Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam” bao gồm các chương sau:

a) Chương 1 - Những quy định chung. Chương này bao gồm và không giới hạn các điều khoản quy định về: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; giải thích thuật ngữ và các chữ viết tắt,...;

b) Chương 2 - Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp trong ngành Thép Việt Nam. Chương này bao gồm và không giới hạn các điều quy định về: trách nhiệm BVMT của các Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; quy định chế độ lập và nộp các báo cáo liên quan BVMT theo quy định cho cơ quan quản lý các cấp,...;

c) Chương 3 - Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khắc phục sự cố môi trường của các doanh nghiệp trong ngành Thép Việt Nam. Chương này bao gồm và không giới hạn các điều quy định về: Biện pháp phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất của các DN; biện pháp khuyến khích việc tái sử dụng nước thải, bụi thải và chất thải rắn đã qua xử lý; quy định việc kiểm soát và BVMT khi kết thúc hoạt động sản xuất,...; quy định cụ thể việc khắc phục ô nhiễm và sự cố MT; quy định chi tiết việc trích lập, quản lý Quỹ BVMT của ngành Thép Việt Nam (theo quy định tại Điều 115 Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các quy định khác của pháp luật có liên quan),...;

d) Chương 4 - Kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm về BVMT của ngành Thép Việt Nam. Chương này bao gồm và không giới hạn các điều quy định về: Tổ chức và thực hiện công tác kiểm tra về BVMT trong các DN; Quy định trách nhiệm của các DN và Đoàn kiểm tra môi trường đối với Quyết định kiểm tra; Quy định về bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm môi trường; Quy định chế độ Khen thưởng và kỷ luật,...

e) Chương 5 - Điều khoản thi hành. Chương này sẽ quy định về hiệu lực thực hiện "Quy chế BVMT ngành Thép Việt Nam".

4. Một số giải pháp BVMT của ngành Thép Việt Nam cần thực hiện ngay trong giai đoạn 2017-2018

Như đã phân tích ở trên, nhiệm vụ BVMT của ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2016-2030 đang đặt ra những thách thức lớn. Trong khi chờ đợi xây dựng và triển khai "Chiến lược BVMT ngành Thép Việt Nam" và "Quy chế Bảo vệ môi trường ngành Thép Việt Nam", chúng ta cần chủ động xem xét triển khai các giải pháp BVMT một cách đồng bộ cho các DN trong ngành Thép Việt Nam phù hợp với hệ thống pháp lý về BVMT hiện hành [3].

4.1. Giải pháp 1 - Tiếp tục nâng cao nhận thức và hiệu lực BVMT

➤ Đối với cán bộ lãnh đạo (CBLĐ) các DN cần phải nhận thức đầy đủ về BVMT đối với sự phát triển của ngành Thép Việt Nam. Nếu CBLĐ nhận thức không đầy đủ sẽ có những quyết định không đúng về chiến lược BVMT; Tổ chức tuyên truyền sâu rộng để mọi người lao động hiểu và thực hiện pháp luật về BVMT. Cần làm cho các doanh nghiệp hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm về BVMT;

➤ Các DN thuộc mọi thành phần của ngành Thép Việt Nam đều phải có trách nhiệm triển khai và thực hiện nghiêm các văn bản pháp luật liên quan về TNKS và BVMT đã ban hành. Trong đó lưu ý các quy định về: Đánh giá tác động môi trường theo Nghị định số 18/215/NĐ-CP và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; Quy định về xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và các Quy chuẩn Việt Nam như QCVN52:2013/BTNMT về nước thải công nghiệp sản xuất thép, QCVN51:2013/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất thép,...

➤ Không chấp nhận phê duyệt những Dự án đầu tư mới với công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ và không đảm bảo điều kiện môi trường. Đến 2020

phải có trang bị đủ hệ thống thiết bị kiểm soát mức độ gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất thép theo QCVN nêu trên và tiêu chuẩn ISO 14000;

➤ Phối hợp với cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử phạt các vi phạm HĐKS và BVMT ở các đơn vị trong hệ thống ngành Thép Việt Nam;

➤ Các DN phải tiếp tục kiện toàn tổ chức quản lý BVMT từ cấp quản lý (Tập đoàn/T Cty) xuống các đơn vị sản xuất kinh doanh trong hệ thống quản lý DN.

4.2. Giải pháp thứ 2 - Đào tạo nguồn nhân lực cho HĐKS và BVMT

➤ Củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý HĐKS và BVMT. Chú trọng tổ chức đào tạo mới và đào tạo lại cho đội ngũ CBKT có chuyên môn liên quan đến HĐKS và BVMT của các đơn vị.

➤ Hợp tác trong nước và ngoài nước về nghiên cứu KHCN và đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực chuyên môn về BVMT.

4.3. Giải pháp thứ 3 - Lựa chọn công nghệ, đầu tư chiều sâu và tăng cường nguồn tài chính cho nghiên cứu khoa học về HĐKS và BVMT

➤ Lựa chọn và áp dụng công nghệ khai thác, chế biến và sản xuất thép tiên tiến và hiện đại. Chú trọng công nghệ "Sản xuất sạch hơn" tại một số đơn vị trọng điểm.

➤ Đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị nhằm bảo vệ môi trường hiệu quả hơn. Lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh gây tác động tiêu cực bằng việc sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu. Kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

➤ Huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư một số dự án trọng điểm và có hiệu quả cao. Xây dựng danh mục các dự án chế biến sâu TNKS và sản xuất thép hợp kim chất lượng cao để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước.

5. Kết luận

Thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua ngành Thép Việt Nam đã có mức tăng trưởng từ 10÷15%/năm đáp ứng đủ nhu cầu sắt thép xây dựng cho toàn quốc. Song chúng ta đang phải đối mặt với thách thức về sự cạn kiệt dần một số TNKS và ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất của các ngành công nghiệp gây nên. Kết quả nghiên cứu và thực tiễn có một số nhận định sau

đây: i) Nguồn TNKS của Việt Nam không đủ đảm bảo cho ngành thép Việt Nam phát triển với quy mô lớn; ii) Thiết bị khai thác mỏ và sản xuất thép của nhiều DN nhỏ, DN tư nhân trong ngành thép Việt Nam hầu hết cũ và lạc hậu, công nghệ chưa đổi mới, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất còn hạn chế; iii) Hệ thống tổ chức và quản lý về BVMT chưa phù hợp với nhu cầu phát triển trong giai đoạn 2016-2030; iv) Năng suất lao động và hiệu quả sản xuất thấp so với nhiều nước trong khu vực, môi trường bị ô nhiễm. Để BVMT một cách bền vững trong giai đoạn 2016-2030 ngành Thép Việt Nam cần phải khẩn trương xây dựng và triển khai "Chiến lược BVMT ngành Thép Việt Nam" và ban hành "Quy chế Bảo vệ môi trường ngành Thép Việt Nam". Trước mắt cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên và không nên coi nhẹ giải pháp nào vì các giải pháp có tính thống nhất và đồng bộ cao. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Chí Cường, Nghiêm Gia và nhóm tác giả. Nghiên cứu định hướng phát triển KHCN ngành Thép giai đoạn 2010-2020, tầm nhìn đến năm 2025. Hà Nội. 2006.

2. Nghiêm Gia, Nguyễn Đức Vinh Nam và nhóm tác giả. Nghiên cứu xây dựng Quy chế

bảo vệ môi trường của Tổng Công ty Thép Việt Nam. Đề tài NCKH cấp Bộ. Hà Nội. 2009.

3. Nghiêm Gia và nhóm tác giả. Giải pháp Bảo vệ môi trường của ngành Thép Việt Nam giai đoạn năm 2010-2020, định hướng đến năm 2025. Tạp chí Công nghiệp. Hà Nội. 2009.

Ngày nhận bài: 12/01/2017.

Ngày gửi phản biện: 01/02/2017

Ngày nhận phản biện: 16/03/2017.

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/06/2017

Từ khóa: Luật bảo vệ môi trường; Chiến lược Bảo vệ môi trường; Quy chế bảo vệ môi trường; Ngành Thép Việt Nam; Đánh giá tác động môi trường.

SUMMARY

The article shows the urgent need to form and realize the "Vietnam Environmental Protection Strategy for the Steel Industry" and the "Vietnam Environmental Protection Regulation for the Steel Industry" during 2016-2030 to ensure sustainable development of Vietnam Steel Industry.

CÁC KHOẢN THUẾ, PHÍ...

(Tiếp theo trang 74)

Nói chung, mức thuế tài nguyên đối với than của các nước thấp hơn Việt Nam. Ở các nước trên thế giới tiền hay phí cấp quyền thăm dò hay cấp quyền khai thác thực chất là thu tiền sử dụng đất chứ không phải như tiền cấp quyền khai thác ở Việt Nam. Các khoản thuế, phí đối với khoáng sản các nước trên thế giới được khấu trừ khỏi thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Corporate Income Taxes, Mining Royalties and Other Mining Taxes: A Summary of rate and rules in selected countries. Global mining industry update June 2012. www.pwc.com/gx/mining.

2. Nguyễn Tiến Chinh. Minh bạch trong quá trình cấp phép (đấu giá, cấp phép, cấp quyền khai thác) trong lĩnh vực khoáng sản. Tài liệu tại Hội thảo "Minh bạch trong lĩnh vực khoáng sản: Đo lường khoảng cách từ chính sách đến thực tiễn" được tổ chức ngày 21/3/2017 tại Hà Nội bởi

Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Hội Địa chất Kinh tế Việt Nam và Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.

Ngày nhận bài: 27/01/2017.

Ngày gửi phản biện: 15/03/2017

Ngày nhận phản biện: 14/04/2017

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/06/2017

Từ khóa: thuế tài nguyên; thuế, phí đối với khoáng sản; thuế, phí đối với khai thác mỏ

SUMMARY

The article introduces specific taxes and fees; taxes and fees rates; bases for calculating taxes and fees on mineral resources in general and specific to coal in particular for some countries; comparison with taxes and fees on coal in Vietnam.